

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08/5/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 361/2009/TLST-DS ngày 23/7/2009, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1942
Địa chỉ: A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Phương Dung, sinh năm 1964
Địa chỉ: A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: luật sư Huỳnh Văn K1.

Bị đơn: Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1936 (chết năm 2017)

Địa chỉ: A2, Phường B2, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

- Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1962
- Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1964
- Bà Trần Thị L, sinh năm 1968
- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973
- Bà Trần Thị Kim B, sinh năm 1979
- Bà Trần Thị Xuân M, sinh năm 1970
- Ông Trần Văn Đ (chết 2014), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là:
 - Bà Lê Thị T1, sinh năm 1977
 - Trẻ Trần Ngọc Diễm Q, sinh năm 2002
 - Trẻ Trần Thị Cẩm T2, sinh năm 2005

Đại diện theo ủy quyền của bà Bằng: Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1964

Đại diện theo ủy quyền của trẻ Q, trẻ T2: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1977

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: luật sư Nguyễn Vinh Trí T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1975

Địa chỉ: A3, Australia.

2. Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1962

3. Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1964

4. Bà Trần Thị L, sinh năm 1968

5. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973

6. Bà Trần Thị Kim B, sinh năm 1979

7. Bà Trần Thị Xuân M, sinh năm 1970

8. Ông Trần Văn Đ (chết 2014), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là:

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1977

- Trẻ Trần Ngọc Diễm Q, sinh năm 2002

- Trẻ Trần Thị Cẩm T2, sinh năm 2005

Địa chỉ: A4, Phường B4, quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Bằng: Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1964

Đại diện theo ủy quyền của trẻ Q, trẻ T2: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1977

9. Ông Nguyễn Thành T3, sinh năm 1979

Địa chỉ: A5, Phường B5, quận C5, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Phạm Phan Thành N, sinh năm 1991

Địa chỉ: A6, Phường B6, quận C6, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Q1, sinh năm 1975

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định phần đất có diện tích 9.729,4m² tại bằng khoán 844 An Hội hiện đang tọa lạc địa chỉ 59/1 Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Trần Văn P (chết năm 1970, không để lại di chúc) và bà Lê Thị N1 (chết năm 1948, không để lại di chúc) để lại.

2. Tổng giá trị quyền sử dụng đất phần đất trên là 1.576.163.000 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

3. Những người thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn P và bà Lê Thị N1 gồm:

- Bà Trần Thị P1 (chết năm 1988)

- Ông Trần Văn C (chết năm 1992)

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1942

3.1. Thừa kế của bà Trần Thị Phấn là: Ông Trần Văn T3, sinh năm 1975

3.2. Các thừa kế của ông Trần Văn C gồm:

- Bà Trần Thị N1, sinh năm 1936 (chết năm 2017)
- Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1962
- Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1964
- Bà Trần Thị L, sinh năm 1968
- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1973
- Bà Trần Thị Kim B, sinh năm 1979
- Bà Trần Thị Xuân M, sinh năm 1970
- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1977
- Trẻ Trần Ngọc Diễm Q, sinh năm 2002
- Trẻ Trần Thị Cẩm T2, sinh năm 2005

4. Chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất trên thành 03 phần cho các đồng thừa kế là các con của Trần Văn P và bà Lê Thị N1 theo Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 06/5/2020 của Công ty đầu tư xây dựng và đo đạc bản đồ HM, cụ thể:

- Phần thừa kế của ông Trần Văn T3 được nhận tại vị trí ký hiệu là **Lô A** (diện tích 3.314,5m²).

- Phần thừa kế của bà Trần Thị Ngân nhận tại vị trí ký hiệu là **Lô B** (diện tích 3.314,5m²).

- Phần thừa kế các ông, bà Trần Ngọc D, Trần Thị Kim K, Trần Thị L, Trần Thị Thanh T, Trần Thị Kim B, Trần Thị Xuân M, Lê Thị T1 và trẻ Trần Ngọc Diễm Q, Trần Thị Cẩm T2 nhận tại vị trí ký hiệu là **Lô C** (diện tích 3.100,4m²)

Vị trí các phần đất C, B, A theo bản vẽ trên tính từ mặt tiền đường Phạm Văn Chiêu vào.

Giao nhà đất 59/1 Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (diện tích đất ở 159,61; diện tích xây dựng 112,45m²) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 4660/2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 12/5/2003 cho các ông, bà Trần Ngọc D, Trần Thị Kim K, Trần Thị L, Trần Thị Thanh T, Trần Thị Kim B, Trần Thị Xuân M, Lê Thị T1 và trẻ Trần Ngọc Diễm Q, Trần Thị Cẩm T2 toàn quyền sở hữu và sử dụng.

Các bên thống nhất giao phần đất tại vị trí ký hiệu là Lô A (diện tích 3.314,5m²) của ông Trần Văn T3 được hưởng cho các ông bà Trần Ngọc D, Trần Thị Kim K, Trần Thị L, Trần Thị Thanh T, Trần Thị Kim B, Trần Thị Xuân M, Lê Thị T1 và trẻ Trần Ngọc Diễm Q, Trần Thị Cẩm T2 quản lý. Khi ông T3 có yêu cầu thì giao lại cho ông T3.

Đôi bên đồng ý với ranh đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 06/5/2020 của Công ty đầu tư xây dựng và đo đạc bản đồ HM và tự giao nhận đất trực tiếp với nhau.

Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần nhà, đất đã được phân chia như trên theo quy định.

5. Các chi phí thuế liên quan đến việc hợp thức hóa nhà, đất trên do các bên tự chịu theo quy định.

6. Chi phí ủy thác tư pháp, đo vẽ: bà Trần Thị N tự nguyện chịu, đã nộp xong.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị N được miễn.

Ông Trần Văn T3 phải chịu 12.739.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Các ông bà Trần Ngọc D, Trần Thị Kim K, Trần Thị L, Trần Thị Thanh T, Trần Thị Kim B, Trần Thị Xuân M, Lê Thị T1, Trần Ngọc Diễm Q, Trần Thị Cẩm T2 cùng phải chịu 12.045.500 đồng (Mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị N số tiền 9.152.750 đồng (Chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 000257 ngày 20/4/2009 của Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THẨM PHÁN**

Vũ Thị Xuân Trang